

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	426	BK16+GTCl+RP2	7:25	11+8+2	0+0+0		3+7+9	0+0+0	
2	406	CTK3+P9+P10	7:25	16+3+3	0+0+0		16+0+4	0+0+0	
3	424	TD2+PPD	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
4	622	T.UNG	7:30	16	0		18	0	
5	426	PPD+AMD	9:25	6+16	0+0		0+21	0+0	
6	406	VSP02+BK10+P1	9:25	4+8+5	0+0+0		0+4+6	0+0+0	
7	424	CTK3+BK16+GTCl	10:25	22+0+0	0+0+0		14+4+3	0+0+0	CHUYEN 1 PAX CTK3-BK16

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY BK16-3 NGƯỜI, GTCl-3 NGƯỜI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2018	TO: BK16 - GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LBinh - QViệt - Năm	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN THO	BK16	69	1	2	40	88	D-HANH	Vietnamese
2	HO NGOC HUNG	BK16					90	D-HANH	Vietnamese
3	SALAKHOV	BK16	60	1	3		95	D-HANH	Russian
4	BUI THE DIEN	BK16	62	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MINH THANG	BK16	63	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN PHUC PHUONG	BK16	65	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MUOI	BK16	66	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
8	DO VAN BINH	BK16	64	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM DUY CHUNG	BK16	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN XUAN HOA	BK16	67	1	7		72	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NHANH	BK16	68	1	4		65	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG VINH	GTC1				55	90	D-HANH	Vietnamese
13	BESPALOV ALEKSEY	GTC1	91	1	4		93	D-HANH	Russian
14	NHAM DIEN BIEN	GTC1					65	D-HANH	Vietnamese
15	KURPASOV	GTC1	95	1	2		65	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN HUU TAN	GTC1	94	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DINH HUY	GTC1	93	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGHIEM XUAN ANH	GTC1					62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	92	1	2		75	PSV	Vietnamese
20	LE DUC TOAN	RP2	86	1	9	15	79	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN CAO MONG	RP2	87-88	2	16	5	54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	11	10	43	844	40	3		
2	GTC1	8	5	18	585	55	7		
3	RP2	2	3	25	133	20	9		
TOTAL		21	18	86	1.562	115	19		
WEIGHT KG				86	1.562	115			

GRAND TOAL: 1.763 KGS.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16-Apr-18	TO: CTK3 - P9 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - PTUẤN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3				10	76	YTE	Vietnamese
2	BOGDANOV	CTK3	25	1	7		78	KH-THAC	Russian
3	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	CTK3	36	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HIỆN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	27	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	30	1	11		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	32	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	29	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	34	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TSVETKOV	CTK3	23	1	7		100	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	26	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	28	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	33	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC THAI	CTK3	24	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU MINH HÙNG	P9	97	1	3		78	D-HANH	Vietnamese
18	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P9	96	1	11		71	D-HANH	Vietnamese
19	MISHIN	P9	95	1	5		105	D-HANH	Russian
20	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10	99	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN THẮNG	P10	98	1	3		52	D-HANH	Vietnamese
22	CHERHIADEV	P10	900	1	5		65	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	13	70	1.156	10	16		
2	P9	3	3	19	254	0	0		
3	P10	3	3	11	187	0	4		
TOTAL		22	19	100	1.597	10	20		
WEIGHT KG				100	1.597	10			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2018	TO: TD2 - PPD	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PHÚ - MTHẮNG - L.SON -	ETA: 09:20
TRANG-1		THẢO	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	33	1	9		61	KHOAN	Vietnamese
2	BUI THAI QUI	TD2	32	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
3	LE HUYNH TRUNG	TD2	34	1	7	40	73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THE TRA	TD2	31	1	10	15	65	KHOAN	Vietnamese
5	BONIFIACIO MURZELLO	TD2	28-29	2	14		79	KHOAN	Indian
6	EUGENE RAHIM HICKS	PPD	34-35	2	15		91	NHATHAU	American
7	CHAN CHING KAI	PPD	36-37	2	15		70	NHATHAU	Singapore
8	PHUNG PHU SUA	PPD	41	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO MANH HUNG	PPD	38	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	48	1	5	12	55	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐAO MANH HUY	PPD	51	1	6	40	78	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGOC DUNG	PPD	47	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGOC SON	PPD	45-46	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN GIANG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC TRUONG	PPD	44	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRINH DUY NAM	PPD	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN TAN	PPD	49	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC ANH	PPD	40	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DUONG DAI THANG	PPD	42	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH THANG	PPD	50	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG TRI DUNG	PPD	39	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	6	49	354	55	0		
2	PPD	17	18	96	1.145	52	22		
TOTAL		22	24	145	1.499	107	22		
WEIGHT KG				145	1.499	107			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/04/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 08:00
FLIGHT: BD1494	TO: BD1	CREW: Lạc - ĐTrung	ETA: 11:30

ROUTE: VT - BD1 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1 : VT - BD1									
1	Tran Huy Du	PPS	Vietnamese	031508831	49	1	3	75	
2	Pham Minh Duc	PPS	Vietnamese	030969810	59	1	7	77	
3	Phan Hung Tan	PPS	Vietnamese	260882573	60	1	4	77	
4	Dao Nghia Trung	PPS	Vietnamese	272362899	52	1	6	90	
5	Pham Tuan Dat	PPS	Vietnamese	031501525	55-56	2	7	63	
6	Cao Van Thang	PPS	Vietnamese	273278558	58	1	9	67	
7	Duong Van Ngoc	PPS	Vietnamese	121601593	51	1	6	60	
8	Nguyen Anh Luyen	PPS	Vietnamese	172056408	50	1	5	77	
9	Tran Quoc Dung	PPS	Vietnamese	273177204	01	1	5	50	
10	Tran Van Hoa	PPS	Vietnamese	273063938	500	1	5	60	
11	Dang Xuan Hoang	PPS	Vietnamese	273219392	61	1	4	72	
12	Phung Viet Hung	PPS/PSV	Vietnamese	273607310	53	1	5	68	
13	Nguyen Van Lam	PPS/PSV	Vietnamese	273119635	54	1	5	60	
14	Nguyen Van Trong	PPS/PSV	Vietnamese	273557122	57	1	5	58	
	PAX OUT			PAX IN	19	WT:	15	76	954
	TOTAL							14	

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	PPS MAILBAG	99	BD1	1	5
2	PSV FOOD STUFF	91-98	BD1	8	88
3	PTSC HAI AN FOOD STUFF	66-68	BD1	3	53

REMARK :

PAX.WEIGHT	954
BAG.WEIGHT	76
CARGO WEIGHT	146
TOTAL	1.176

BDPOC REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

- TOTAL OF PAX:
- FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 07:20

FUEL



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HLONG - Khánh	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TUẤN MẠNH	BK THIE	35	1	2		67	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	BK THIE	28	1	9		75	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	34	1	5		80	PVD	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH KHOA	BK THIE	25-26	2	12		79	KH-THAC	Vietnamese
5	BAGRAMOV	BK THIE	20	1	3		99	KH-THAC	Russian
6	PHAN QUANG HOA	BK THIE	27	1	7	30	75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	32	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
8	KIỀU XUÂN TÂM	BK THIE	24	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO DUY TỰ	BK THIE	36	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	23	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	BK THIE	29-30	2	14		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	33	1	4		69	PSV	Vietnamese
13	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	21	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUANG	BK THIE					67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG THẮNG	BK THIE	31	1	3		50	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	22	1	13		55	PSV	Vietnamese
17	TRẦN HÙNG	BK THIE	37-38	2	14		90	PVGAS	Vietnamese
18	PHẠM HUY THONG	BK THIE	39	1	9		80	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	20	111	1.309	30	18		
	TOTAL	18	20	111	1.309	30	18		
	WEIGHT KG			111	1.309	30			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2018	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LBinh - QViệt - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	91	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG VAN TANG	PPD	94	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	98	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH BA NINH	PPD	92-93	2	15		58	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẬU HUY HOANG	PPD	95	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BA THUAN	PPD	96-97	2	20		66	CODIEN	Vietnamese
7	TRINH THUONG MAI	AMD	97-98	2	11	80	60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HAI	AMD	92	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	25	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	DUONG CONG TAN	AMD	26	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	96	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	94	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TANG XUAN HAI	AMD	93	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	95	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUNG	AMD	99	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGHIỆP	AMD	29	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN THIN	AMD	30	1	6	10	64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG DUNG	AMD	31	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG LONG	AMD	27-28	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	32-33	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MINH VUONG	AMD	34-35	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
22	ANDREW BEDIO	AMD	22	1	10	17	90	KH-THAC	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	6	8	54	387	0	1		
2	AMD	16	20	139	1.119	107	21		
TOTAL		22	28	193	1.506	107	22		
WEIGHT KG				193	1.506	107			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/04/2018	TO: VSP02 - BK10 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - PTUẤN	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN BÁ LINH	VSP02	97	1	4		68	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HUAN	VSP02	04	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
3	LE TUAN ANH	VSP02	05,94	2	11		75	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN MINH TUAN	VSP02	95-96	2	11		72	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT DUNG	BK10	80	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	BK10	85	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN MẠNH VƯƠNG	BK10	81-82	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN AI	BK10	83-84	2	15	55	59	XAYLAP	Vietnamese
9	LE VĂN HOÀ	BK10	78	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN LỘC	BK10	79	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯU QUÝ DUNG	BK10	86	1	8		53	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TÂN	BK10	27-28	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TUẤN	P1	86	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO AN TUẤN	P1	88	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN LỢI	P1	87	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM MINH VŨ	P1	89-90	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SANG	P1	83-85	3	15		69	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ XUÂN QUÝ	P1	82	1	15		104	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	4	6	33	275	0	2		
2	BK10	8	11	104	517	55	4		
3	P1	6	9	76	435	0	6		
TOTAL		18	26	213	1.227	55	12		
WEIGHT KG				213	1.227	55			

GRAND TOAL: 1.495 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16-Apr-18	TO: CTK3 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: PHÚ - MTHĂNG - L.SON - THẢO	ETA: 12:40
cam-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SON HA	CTK3	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	15	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRUNG KIẾN	CTK3	11-12	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	07	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3					83	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ CANH HÙNG	CTK3	02	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN ANH ĐÔNG	CTK3	08-09	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ HỮU HUY TỬ	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG THĂNG	CTK3	13	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	03	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BẠC	CTK3					60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	14	1	5	14	70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	06	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỮU HÀ	CTK3	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	10	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THẨM	CTK3	19	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
18	DUƠNG HỮU THUAN	CTK3	04	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC MINH	CTK3	01	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG QUÂN	CTK3	17	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH PHỤNG	CTK3	18	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	19	111	1.503	14	14		
2	BK16	0	0	0	0	0	4		
3	GTC1	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	19	111	1.503	14	21		
WEIGHT KG				111	1.503	14			

GRAND TOAL: 1.628 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+TD2	7:25	13+9	0+0		8+14	0+0	
2		JS2+P11+P10	7:25	4+6+12	0+0+0		2+3+17	0+0+0	chuyển 1 pax từ vsp01-
3		P2+VSP01+VSP02	7:25	22+0+0	0+0+0		21+0+0	0+0+0	từ vsp01- vsp02
4		TD3+P9+P4	7:25	16+3+3	0+0+0		10+9+3	0+0+0	
5		AMD+P10+BK10	9:25	1+14+7	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
6		BK4+P9+TTC1	9:25	5+12+4	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
7		P2+BK5+P6	9:25	11+7+0	0+0+0		8+12+1	0+0+0	chuyển 2 pax từ RP1-BK3
8		RP1+BK3+P9	9:25	5+10+7	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TPDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: P11 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - LBình - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THIÊN PHƯỚC	P11	32	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	P11					66	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO MINH HOÀNG	P11	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	P11	29	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	P11	24	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CÔNG LAN	P11	28	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN TUẤN	P11					50	KH-THAC	Vietnamese
8	VU ĐĂNG HOÀNG	P11	27	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC ANH	P11	31	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH THÈ NHẬN	P11	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	P11	33	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ KIM NGHIỆP	P11	34	1	15		85	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐẠI THẮNG	P11	25	1	8		100	CODIEN	Vietnamese
14	DINH VĂN LƯU	P11	30	1	5		51	D-SONG	Vietnamese
15	BADIKOV M.F	TD2	37	1	8	90	70	KH-THAC	Russian
16	LƯU TIẾN THÀNH	TD2	41	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN QUANG HOÀNG	TD2	38	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG KHÁ	TD2	800	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THANH DƯƠNG	TD2	43	1	7	8	70	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD2	42	1	4		69	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC BẢO	TD2	39	1	14		85	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD2	40	1	12		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	14	12	81	998	0	8		
2	TD2	8	8	63	591	98	14		
TOTAL		22	20	144	1.589	98	22		
WEIGHT KG				144	1.589	98			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Apr-18	TO: JS2 - P11 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	JS2	85-86	2	14	40	81	KH-THAC	Vietnamese
2	LAI ANH TUAN	JS2	90	1	12	5	100	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA CUÔNG	JS2	87-88	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI XUÂN TRƯỜNG	JS2	89	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P11	28	1	10	25	80	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LUÔNG	P11	27	1	10	37	65	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN DUNG	P11	24	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	26	1	3		60	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	25	1	2		72	PSV	Vietnamese
10	DO LENH DAO	P10	84	1	9	60	76	KH-THAC	Vietnamese
11	EVSEEV O.V	P10	98	1	8		94	KH-THAC	Russian
12	PODYMOV D.N	P10	76-77	2	14		144	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN QUỐC KHANH	P10	78	1	13		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HUNG MÊN	P10	79	1	5		64	YTE	Vietnamese
15	TRẦN KIM NGỌC	P10	99	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THÈ HUNG	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG SY NGUYEN	P10	80	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	97	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	P10	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HUU TRI	P10	96	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	6	45	311	45	2		
2	P11	5	5	39	337	62	3		
3	P10	13	13	82	1.018	60	17		
TOTAL		22	24	166	1.666	167	22		
WEIGHT KG				166	1.666	167			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: P2 - VSP01 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Thủy - Phong - DKHÁNH	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY XUÂN TRUNG	P2	19-20	2	10		67	YTE	Vietnamese
2	VU VAN CUONG	P2	23	1	3		89	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ CÔNG ANH	P2	10	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HUU NGUYEN	P2	12	1	4	68	68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG THÀNH TRUNG	P2	02	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BIỆT ĐĂNG SAM	P2	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH UT	P2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CHÍ HAO	P2	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRUNG CUONG	P2	06	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PARSHIN	P2	18	1	7		88	KH-THAC	Russian
11	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH QUAN	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG THẾ VINH	P2	08-09	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THE KHUONG	P2	05	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ ĐÌNH TUYEN	P2	13	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO VAN HOI	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
17	HA CHIEN THANG	P2	11	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HIỂN TRƯỞNG	P2	26-27	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUYET CHIEN	P2	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CHI HUONG	P2	15	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN PHONG	P2	16	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NANG PHONG	P2	01	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	22	113	1.546	68	21		
2	VSP01	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 01 PAX TU VSP01 SANG VSP02
3	VSP02	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	22	113	1.546	68	21		
WEIGHT KG				113	1.546	68			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: TD3 - P9 - P4	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TOIB R.R	TD3	47	1	5		87	KHOAN	Russian
2	SHERBAKOV M.IU	TD3	46	1	5		87	KHOAN	Russian
3	ZHARKOV A.V	TD3	52	1	5		110	KHOAN	Russian
4	PUGACHEV EVGENYI	TD3	49-50	2	13		105	KHOAN	Russian
5	NGUYEN VAN GIN	TD3	54	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
6	HỒ MINH TRINH	TD3	51	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HUU TRUNG	TD3	56	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
8	BUI QUANG TUYNH	TD3	55	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ NHẬT TUÂN	TD3	45	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
10	DƯƠNG THANH TUNG	TD3	44	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUNG	TD3	48	1	8		63	ANTOAN	Vietnamese
12	IVANOV	TD3	53	1	5		87	ANTOAN	Russian
13	PHAN NỢC TIEN	TD3	58	1	5		58	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DƯ	TD3	43	1	3	90	65	DVL	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DŨNG	TD3	57	1	5		78	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN BA THANH	P9	96	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN QUÊ	P9	97	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ ĐỨC HIÊN	P9	95	1	10		54	YTE	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC DINH	P4	02-03	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN ĐỨC HÙNG	P4	01	1	12	29	72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO TRUNG KIEN	P4	04-05	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	15	16	102	1.159	90	10		
2	P9	3	3	20	196	0	9		
3	P4	3	5	42	215	29	3		
TOTAL		21	24	164	1.570	119	22		
WEIGHT KG				164	1.570	119			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: AMD - P10 - BK10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN VINH	AMD	88	1	5	30	58	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN TAM NHAN	P10	23	1	5	58	84	KH-THAC	Vietnamese
3	VU BAO TRUNG	P10	26	1	5	30	83	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	P10	93	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET ANH	P10	16	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC PHI	P10	94	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE QUOC TIEN	P10	91	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN HUAN	P10	19	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	DO DINH VAN	P10	17	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HUU TRI	P10	18	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU THANH VINH	P10	92	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN TRONG MANH	P10	21	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH CONG VAN	P10	20	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH XUAN QUAN	P10	22	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEU	BK10	15	1	5	20	50	D-SONG	Vietnamese
16	SHENSIN D.	BK10	16	1	5		101	KH-THAC	Russian
17	TRAN CONG HOAN	BK10	20	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN CHAU NAM	BK10	21	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	BK10	18	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
20	DO TUAN VIET	BK10	23-24	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN KHUONG	BK10	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG NHAT ANH	BK10	17	1	4		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	1	1	5	58	30	0		
2	P10	13	13	73	954	88	11		
3	BK10	8	9	55	569	20	11		
TOTAL		22	23	133	1.581	138	22		
WEIGHT KG				133	1.581	138			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: BK4 - P9 - TTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV.I.M.	BK4	16-17	2	10		65	KH-THAC	Russian
2	TONG TRUNG HUY	BK4	20	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC BA	BK4	18	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOAN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	21	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
5	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	19	1	7		65	PSV	Vietnamese
6	TRẦN THANH HAI	P9	16	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC LONG	P9	02	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TAM THUY	P9	07	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐAO VIỆT HAI	P9	11	1	4	30	70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẬU THÈ HAI	P9	04	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LANG TU	P9	03	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	14	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	06	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRINH HUY KHIÊM	P9	01	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TIỀN	P9	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	05	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	12-13	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TTC1	300	1	6	20	76	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MẠNH CƯỜNG	TTC1				25	75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT LỘC	TTC1	51-52	2	16		57	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN NGỌC TUẤN ANH	TTC1	53	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	6	29	350	35	5		
2	P9	12	13	55	842	30	12		
3	TTC1	4	4	29	278	45	5		
TOTAL		21	23	113	1.470	110	22		
WEIGHT KG				113	1.470	110			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: P2 - BK5 - P6	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - LHài - THẢO - DSON	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LIU QUANG ĐA	P2	28	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
2	CAO XUAN DUNG	P2	29	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
3	PHAM VAN PHUC	P2	32-33	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN KHAC HOANG	P2	35-36	2	12	30	57	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO HONG VAN	P2	30-31	2	12		64	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN THANH PHUONG	P2	37	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEN	P2	34	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI QUANG THUAN	P2	41	1	5		65	NIPI	Vietnamese
9	CONG ĐUC TAM	P2	40	1	6		67	NIPI	Vietnamese
10	PHAM VAN ĐUC	P2	38	1	5		77	T-TIN	Vietnamese
11	LUONG MINH PHUNG	P2	39	1	15		63	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HUNG	BK5	91	1	16		86	KH-THAC	Vietnamese
13	VU MINH ĐUC	BK5	49	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN NGHI	BK5	93	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
15	VU CHI CONG	BK5	92	1	9	119	59	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN DUY KHANH	BK5	47-48	2	16		82	KH-THAC	Vietnamese
17	VO NGOC THAI SON	BK5	19-20	2	11		65	CODIEN	Vietnamese
18	HOANG MINH HAI	BK5	94-95	2	12		79	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	14	111	720	30	9		
2	BK5	7	10	87	530	119	12		
3	P6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	24	198	1.250	149	22		
WEIGHT KG				198	1.250	149			

GRAND TOAL: 1.597 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2018	TO: RP1 - BK3 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Thủy - Phong - DKHÁNH	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. HOANG VINH	RP1	15	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH CONG	RP1	13	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN DINH DIEP	RP1	14	1	7	12	74	CODIEN	Vietnamese
4	BUI ĐỨC HẬU	RP1	17	1	13	32	60	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUNG	RP1	16	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN TỰ	BK3					77	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG VINH	BK3	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK3	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK3	95	1	8	45	62	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ VĂN ĐÔNG	BK3	90	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN MINH XANH	BK3	92	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	91	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ANH KIẾT	BK3	89	1	12	37	70	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐÀO MINH ĐỨC	BK3	88	1	6		63	PSV	Vietnamese
15	HÀ VĂN NIỆM	BK3	87	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	01	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÀ KHA	P9	07	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
18	HŨA SẴY	P9	04	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	02	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LUƠNG XUÂN THAI	P9	06	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MINH HIEN	P9	05	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI CÔNG THĂNG	P9	03	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	5	5	47	345	44	0+2		CHUYEN 2 PAX RP1 SANG BK3
2	BK3	10	9	62	666	82	14		
3	P9	7	7	44	490	0	8		
TOTAL		22	21	153	1.501	126	22		
WEIGHT KG				153	1.501	126			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN